

Sách Đa-ni-ên - Số bảy mươi lăm

Những tương đồng tiên tri: Từ sứ điệp của Ê-sai đến những mặc khải ngày nay

Jeff Pippenger
2024-02-08

Khi Ê-sai trình bày thông điệp được biểu trưng bởi sáu mươi lăm năm (chương bảy, câu tám) cho nhà lãnh đạo gian ác của Giê-ru-sa-lem, ông làm điều đó tại "cánh đồng của thợ giặt" và "cuối ống dẫn của hồ trên", vào năm 742 TCN. 742 TCN tương trưng cho năm 1863, vì Chúa Giê-su luôn minh họa phần kết bằng phần khởi đầu. Cuộc nổi loạn năm 1863 lại tương trưng cho luật Chủ nhật tại Hoa Kỳ, vì Chúa Giê-su luôn minh họa phần cuối của một sự việc bằng phần đầu của sự việc. Năm 1863 là sự khởi đầu của hội thánh Cơ Đốc Phục Lâm La-ô-đi-xê được đăng ký hợp pháp, và hội thánh ấy bị để hoang vu tại "trận động đất lớn" của luật Chủ nhật. Làm sao một pháp nhân chịu sự quản lý pháp lý của Nhà nước (chứ không phải ngược lại là Hội thánh kiểm soát Nhà nước) có thể tiếp tục gìn giữ ngày Sa-bát thứ bảy, khi chính phủ ấy vào lúc đó lại đang cấm một cách hợp pháp việc thờ phượng vào ngày thứ bảy?

Vào lúc khởi đầu và kết thúc chức vụ của Đấng Christ, Ngài đã thanh tẩy đền thờ. Trong lần thanh tẩy đền thờ đầu tiên, Đấng Christ chỉ ra rằng các lãnh đạo đã biến "nhà của Cha Ngài" thành sào huyệt của bọn cướp; nhưng trong lần thanh tẩy cuối cùng của đền thờ, Ngài tuyên bố rằng "nhà của họ" đã bị để lại cho họ trong cảnh hoang tàn. Y-sơ-ra-ên xưa minh họa cho Y-sơ-ra-ên ngày nay. Ngài đã dựng lập và thanh tẩy đền thờ Millerite vào buổi đầu của Cơ Đốc Phục Lâm, nhưng trong lần thanh tẩy sau cùng, tức là sự thanh tẩy của một trăm bốn mươi bốn ngàn, Phục Lâm La-ô-đi-xê bị Ngài mửa ra khỏi miệng, và "nhà của họ" khi ấy bị bỏ hoang.

Ê-sai đang ở bên ruộng của thợ giặt khi ông đối mặt với vua A-cha. Ruộng của thợ giặt tương trưng cho sự thanh tẩy do Sứ giả của Giao Ước thực hiện, Đấng thành linh đến đền thờ của Ngài và tẩy sạch các con trai Lê-vi như bằng "thuốc tẩy của thợ giặt." Sự thanh tẩy này đã được thực hiện vào buổi đầu của Phong trào Phục Lâm, và lại được thực hiện một lần nữa vào kỳ sau rốt.

Kìa, Ta sẽ sai sứ giả của Ta, và người sẽ dọn đường trước mặt Ta; rồi Đức Chúa, Đấng các người tìm kiếm, sẽ thành linh đến đền thờ của Ngài, tức là Sứ giả của giao ước, Đấng các người ưa thích. Kìa, Ngài sẽ đến, Đức Giê-hô-va vạn quân phán. Nhưng ai có thể chịu nổi ngày Ngài đến? Và ai đứng nổi khi Ngài hiện ra? Vì Ngài như lửa của thợ luyện, và như thuốc tẩy của thợ giặt. Ngài sẽ ngồi như thợ luyện và tinh lọc bạc; Ngài sẽ tinh sạch các con trai Lê-vi, luyện lọc họ như vàng và bạc, để họ dâng cho Đức Chúa một của lễ trong sự công chính. Bấy giờ của lễ của Giu-đa và Giê-ru-sa-lem sẽ đẹp lòng Đức Chúa, như trong những ngày xưa, như những năm thuở trước. Ma-la-chi 3:1-4.

Ê-sai gặp A-cha, với dấu chỉ là con trai mình, mà tên nó biểu trưng rằng trong những ngày sau rốt "một số sót sẽ trở về." Số sót chính là những người "trở về." Ê-sai gặp vua gian ác A-cha trong bối cảnh lịch sử của sự thanh tẩy đền thờ, vốn khởi sự trong lịch sử Millerite vào năm 1844 và đã bị chấm dứt bởi sự bất tuân vào năm 1863. Trong những ngày sau rốt, sự thanh tẩy ấy là lịch sử của

việc ẩn tín cho một trăm bốn mươi bốn nghìn người. Nếu những người Millerite đã theo sự quan phòng mở đường của Đức Chúa Trời sau năm 1844, thì họ đã hoàn tất công việc.

"Giá như những người Cơ Đốc Phục Lâm, sau sự thất vọng lớn năm 1844, đã giữ vững đức tin của họ và đồng lòng bước theo trong sự quan phòng đang mở ra của Đức Chúa Trời, tiếp nhận sứ điệp của thiên sứ thứ ba và trong quyền năng của Đức Thánh Linh rao truyền sứ điệp ấy cho thế gian, thì họ đã thấy sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời; Chúa đã hành động cách quyền năng qua những nỗ lực của họ; công việc đã được hoàn tất, và Đấng Christ đã đến từ lâu để tiếp nhận dân Ngài vào phần thưởng của họ. Nhưng trong thời kỳ nghi ngờ và bất định theo sau sự thất vọng ấy, nhiều tín hữu chờ đợi sự tái lâm đã từ bỏ đức tin của mình. ... Như thế công việc đã bị cản trở, và thế gian bị bỏ lại trong bóng tối. Giá như toàn thể khối Cơ Đốc Phục Lâm đã hiệp nhất trên các điều răn của Đức Chúa Trời và đức tin của Đức Chúa Giê-su, thì lịch sử của chúng ta đã khác biết bao!" *Evangelism*, 695.

Sự thất bại trong việc “tiếp tục đồng lòng bước theo trong sự quan phòng khai mở của Đức Chúa Trời” đã đưa họ vào tình trạng Laodicê đến năm 1856, và cuộc phản nghịch xảy ra sau đó vào năm 1863 đã đánh dấu sự khởi đầu của cuộc lang thang trong đồng vắng, điều đã được minh họa bởi dân Israel xưa khi họ thất bại trong kỳ thử thách thứ mười và cuối cùng, và rồi bị kết án phải chết trong đồng vắng suốt bốn mươi năm tiếp theo.

Con trai của Isaiah đưa ra lời hứa rằng, trong lần thanh tẩy đền thờ cuối cùng của những ngày sau rốt, "một số sót sẽ trở về". Sự "trở về" của họ được minh họa bởi Jeremiah, người được hứa rằng nếu ông "trở về", ông sẽ trở thành người canh gác của Đức Chúa Trời. Một trăm bốn mươi bốn nghìn là những người đã trở về sau một nỗi thất vọng.

Những người thuộc số một trăm bốn mươi bốn nghìn đã trải qua sự thất vọng và chờ đợi Chúa của họ. Họ đã được biểu trưng bởi các trinh nữ khôn ngoan trong lịch sử phong trào Miller, và trong cả lịch sử khởi đầu lẫn kết thúc, hai cây gậy được hiệp lại thành một dân tộc, trong thời kỳ Đức Thánh Linh được tuôn đổ vào lúc Tiếng Kêu Nửa Đêm.

Vua gian ác A-khaz đại diện cho tầng lớp lãnh đạo của Giu-đa, những người đã nghe sứ điệp nhưng lại từ chối sứ điệp mà Ê-sai trình bày; và khi làm như vậy, họ “vấp ngã, té nhào, bị gãy, bị sa lưới, và bị bắt.” Họ là những kẻ “cầu vãn những người có tà linh, và tìm đến các thầy phù thủy lí nhí và thì thào,” biểu thị trải nghiệm về thần linh luận mà họ sa ngã khi tiếp nhận sự mê lầm mạnh mẽ mà 2 Tê-sa-lô-ni-ca nói đến. Việc A-khaz khước từ sứ điệp của Ê-sai vào năm 742 TCN tương ứng với năm 1863, khi sứ điệp của Miller bị khước từ. Ê-sai tiêu biểu cho Miller, và sứ điệp của cả Ê-sai lẫn Miller đều dựa trên “bảy lần,” vốn có điểm neo ở câu tám, chương bảy sách Ê-sai. Con trai của Miller (con trai của Ê-sai) đại diện cho phong trào Ê-li sẽ đến trong những ngày sau rốt.

Phán quyết chống lại Ahaz vì sự chối bỏ của ông bao gồm lời tiên đoán rằng ông sẽ bị chinh phục bởi vua phương bắc, mà trong những ngày cuối cùng là liên minh ba bên của La Mã hiện đại, vốn do giáo hoàng cai trị.

Đức Chúa lại phán với tôi rằng: Vì dân này khước từ nước Si-lô-ê chảy êm ả, mà lại vui mừng vì Rê-xin và con trai của Rê-ma-li-a; nên bây giờ, kìa, Chúa sẽ khiến nước sông dâng lên trên họ, mạnh mẽ và dồi dào—tức là vua A-si-ri cùng với tất cả vinh quang của người; dòng nước

ấy sẽ tràn lên trên mọi nhánh của nó và vượt qua mọi bờ bãi của nó. Nó sẽ đi qua Giu-đa; sẽ ngập lụt và tràn qua, sẽ dâng lên đến tận cổ; và đôi cánh nó đang rộng sẽ phủ đầy bề rộng xứ người, hỡi Immanuel. Ê-sai 8:5-8.

Ê-sai đã gặp vua độc ác Ahaz ở cuối kênh dẫn nước của hồ trên, và mặc dù giữa các sử gia Kinh Thánh và các nhà khảo cổ còn có sự bất định về việc liệu hồ trên có phải là cùng một hồ với hồ Siloam vào thời của Đấng Christ hay không, bối cảnh lời tiên tri của Ê-sai xóa tan mọi nghi ngờ, vì Ê-sai cho biết rằng vua phương bắc sẽ kéo đến tấn công Ahaz, bởi ông đã khước từ những dòng nước của Shiloah, vốn chảy êm dịu. "Shiloah" là tên gọi trong Cựu Ước của "Siloam" trong Tân Ước.

Chính tại ao Siloam mà Chúa Giê-su đã chữa lành người mù, và vua gian ác Ahaz tượng trưng cho tầng lớp lãnh đạo Laodicea mù lòa, cả vào năm 1863 lẫn trong thời điểm luật ngày Chủ nhật sắp đến, là những người từ chối được chữa lành. "Shiloah" và "Siloam" đều có nghĩa là "được sai đi", và một sứ điệp đã được sai từ Đức Chúa Cha đến Đức Chúa Con, rồi Ngài trao cho Gabriel và các thiên sứ thánh để truyền lại cho Isaiah, người đã mang sứ điệp "được sai" từ trời đến cho một nhà lãnh đạo Laodicea mù lòa.

Ông dẫn nước từ hồ trên, nơi Ê-sai đã trình bày sứ điệp, tượng trưng cho nơi cơn mưa của Đức Thánh Linh được ban xuống cho dân sự của Đức Chúa Trời, cũng như điều ấy được minh họa bằng những ống vàng trong Khải tượng của Xa-cha-ri, hoặc chiếc thang trong giấc mơ của Gia-cốp.

Điều Đức Chúa Trời đã chuẩn bị cho chúng ta được trình bày trong sách Xa-cha-ri, các chương 3 và 4, và 4:12-14: "Tôi lại đáp và nói với người ấy: Hai cành ô-liu này là gì, là những cành qua hai ống vàng mà tự mình đổ ra dầu vàng? Người đáp tôi và nói: Người không biết đó là gì sao? Tôi thưa: Không, thưa chúa tôi. Bấy giờ người nói: Ấy là hai người được xúc dầu, đứng bên Chúa của toàn cõi đất."

Chúa đầy đầy mọi nguồn lực. Ngài không thiếu thốn phương tiện nào. Chính vì sự thiếu đức tin của chúng ta, tính trần tục, lời lẽ rỗng tuếch, lòng vô tín—bộc lộ trong lời ăn tiếng nói—mà những bóng tối u ám tụ lại quanh chúng ta. Đấng Christ không được bày tỏ qua lời nói hay phẩm cách như Đấng đẹp đẽ trọn vẹn và là hơn muôn người. Khi linh hồn bằng lòng tự nâng mình lên trong sự phù phiếm, Thánh Linh của Chúa chẳng thể làm được bao nhiêu cho nó. Tầm nhìn thiên cận của chúng ta chỉ thấy cái bóng mà không thấy vinh quang ở bên kia. Các thiên sứ đang cầm giữ bốn luồng gió, được hình dung như một con ngựa giận dữ đang tìm cách xông ra và lao khắp mặt đất, mang theo sự hủy diệt và sự chết trên đường nó đi.

Chúng ta sẽ ngủ ngay bên bờ mé của cõi vĩnh hằng sao? Chúng ta sẽ khô khan, nguội lạnh và chết sao? Ôi, ước chi trong các hội thánh của chúng ta, Thánh Linh và hơi thở của Đức Chúa Trời được hà hơi vào dân Ngài, để họ có thể đứng lên trên đôi chân mình và sống. Chúng ta cần nhận ra rằng đường chật và cửa hẹp. Nhưng khi chúng ta bước qua cửa hẹp, sự rộng lớn của nó thì không bờ bến. Manuscript Releases, quyển 20, trang 216, 217.

"Dầu vàng" là các sứ điệp của Thần Linh của Đức Chúa Trời tuôn xuống từ hồ trên cao qua ống dẫn là hai ống vàng, tức là hai nhân chứng: Kinh Thánh và Thần Linh của Lời Tiên Tri, hoặc Cựu Ước và Tân Ước, hoặc luật pháp và các đấng tiên tri, hoặc Môi-se và Ê-li.

Những người được xúc dầu đứng bên Chúa của toàn cõi đất có địa vị từng được ban cho Sa-tan như một chên-ru-bim che phủ. Qua các hữu thể thánh vây quanh Ngài, Chúa duy trì sự liên lạc thường xuyên với cư dân trên đất. Dầu vàng tượng trưng cho ân điển, nhờ đó Đức Chúa Trời giữ cho những ngọn đèn của người tin luôn được cung ứng, để chúng không chập chờn rồi tắt. Nếu không vì dầu thánh này được tuôn đổ từ trời trong các sứ điệp của Thánh Linh Đức Chúa Trời, thì các thế lực của sự ác sẽ nắm trọn quyền kiểm soát loài người.

Đức Chúa Trời bị xúc phạm khi chúng ta không tiếp nhận những thông điệp mà Ngài gửi cho chúng ta. Như vậy, chúng ta khước từ dầu vàng mà Ngài muốn đổ vào linh hồn chúng ta để truyền đến cho những người ở trong bóng tối. Khi tiếng gọi vang lên: “Kìa, chàng rể đến; hãy ra đón Ngài,” những ai chưa nhận dầu thánh, chưa trân quý ân điển của Đấng Christ trong lòng mình, sẽ thấy, như những trinh nữ dại, rằng họ không sẵn sàng để gặp Chúa mình. Tự họ không có năng lực để có được dầu ấy, và đời sống họ bị hủy hoại. Nhưng nếu chúng ta xin Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời, nếu chúng ta nài xin như Môi-se: “Xin cho con thấy vinh quang của Ngài,” thì tình yêu của Đức Chúa Trời sẽ tuôn tràn trong lòng chúng ta. Qua những ống dẫn bằng vàng, dầu vàng sẽ được chuyển đến cho chúng ta. “Không phải bởi quyền thế, cũng không phải bởi sức mạnh, nhưng bởi Thánh Linh Ta, Đức Giê-hô-va Vạn Quân phán.” Khi tiếp nhận những tia sáng rực rỡ từ Mặt Trời Công Chính, con cái Đức Chúa Trời tỏa sáng như những đèn soi trong thế gian. Review and Herald, ngày 20 tháng 7 năm 1897.

Sứ điệp mà Ahaz đang khước từ chính là sứ điệp của Tiếng Kêu Nửa Đêm; sứ điệp ấy lẽ ra đã đạt đến cao trào là sự tái lâm của Đấng Christ, nếu ban lãnh đạo Laodicê đã tiếp nhận sứ điệp dành cho Laodicê được "gửi" cho họ vào năm 1856. Khi ấy, sứ điệp đó đã dâng lên thành tiếng kêu lớn, và dân sự của Đức Chúa Trời đã hoàn tất công việc và được bình an. Nhưng thay vào đó, họ lại quay trở về với bãi nôn mà họ đã được giải cứu thoát khỏi.

Ê-sai và A-cha được mô tả là đang ở trong tiến trình thanh tẩy tại cánh đồng của thợ giặt, điều được hoàn tất bởi Sứ giả của Giao ước trong Ma-la-chi đoạn ba. Họ được đặt cách biểu tượng tại nơi "dầu" (một sứ điệp) đang được đổ ra trong khái tượng của Xa-cha-ri, và trong những ngày sau đó, sứ điệp của Ê-sai gửi cho A-cha là sứ điệp về Hội giáo của tai vạ thứ ba; đó là sứ điệp về lịch sử ẩn giấu của bảy tiếng sấm; đó là sứ điệp rằng thứ tám là thuộc về bảy; đó là sứ điệp về vườn nho; đó là sứ điệp về "Lẽ Thật"; tất cả đều là những yếu tố của Sách Khải Huyền của Đức Chúa Jê-sus Christ, vốn trong những ngày sau đó tạo nên sự thanh tẩy được biểu tượng bởi cánh đồng của thợ giặt.

Nó đã và hiện vẫn là sứ điệp về “bảy lần”, sứ điệp chuyển từ viên đá nền tảng của Miller sang đá góc nhà, vì đó là lẽ thật đầu tiên, nên cũng phải là lẽ thật sau cùng. Năm 1863 đánh dấu sự kết thúc của một quá trình thanh luyện bắt đầu với sự xuất hiện của thiên sứ thứ ba vào ngày 22 tháng 10 năm 1844, và cuối cùng đạt tới ánh sáng của “bảy lần” vào năm 1856. Năm 1844, ánh sáng của hai nghìn ba trăm năm đánh dấu một khởi đầu dẫn đến sự kết thúc được đánh dấu bởi hai nghìn năm trăm hai mươi năm. Tuy vậy, sự mù lòa của Laodicea trong phần khởi đầu và phần kết thúc từ chối nhìn thấy mối liên hệ giữa hai khái tượng. Năm 1863 đại diện cho sự kết thúc của một quá trình thanh luyện luôn diễn ra khi một sứ điệp được mở ấn, và sứ điệp của thiên sứ thứ ba đã được mở ấn vào ngày 22 tháng 10 năm 1844.

Ánh sáng của thiên sứ thứ ba được mở ấn vào năm 1844 không phải là một ánh sáng đơn lẻ; đó là điều mà Bà White gọi là "ánh sáng tiến triển của thiên sứ thứ ba." Ánh sáng tiến triển của thiên sứ thứ ba khởi đầu vào năm 1844 và tiếp tục tiến triển cho đến khi cửa ân điển khép lại; nhưng vào lúc nó mới đến, và khi nó cuối cùng kết thúc, đều có một thời kỳ thử thách riêng biệt của thiên sứ thứ ba. Những thời kỳ thử thách ấy, ở lúc khởi đầu và lúc kết thúc, cũng tượng trưng cho một tiến trình thử nghiệm được Đa-ni-ên mô tả là "sự gia tăng hiểu biết", vốn cũng chính là ánh sáng tiến triển của thiên sứ thứ ba.

Quá trình thử thách ban đầu khởi sự vào năm 1844, và ánh sáng tấn tới đã làm gia tăng sự hiểu biết cho đến khi đi đến kết thúc vào năm 1856. Ánh sáng khởi đầu và ánh sáng kết thúc của thời kỳ thử thách ấy chính là hai khái tượng trong sách Đa-ni-ên, chương tám, câu 13 và 14, đại diện cho nền tảng và trụ cột trung tâm của Phong trào Phục Lâm.

Thời kỳ thử thách của thiên sứ thứ nhất bắt đầu vào ngày 11 tháng 8 năm 1840 và kết thúc với sự thất vọng đầu tiên vào ngày 19 tháng 4 năm 1844. Sau đó, thời kỳ thử thách của thiên sứ thứ hai bắt đầu và kéo dài đến ngày 22 tháng 10 năm 1844. Vào lúc đó, thiên sứ thứ ba xuất hiện, và thời kỳ thử thách của thiên sứ thứ ba tiếp tục cho đến khi Cơ Đốc Phục Lâm La-ô-đi-xê từ chối ánh sáng của thiên sứ thứ ba vào năm 1863.

Thời kỳ thử nghiệm của thiên sứ thứ ba đối với Phong trào Cơ Đốc Phục Lâm Millerite có một điểm khởi đầu và một điểm kết thúc, và điểm khởi đầu lẫn điểm kết thúc phải đại diện cho cùng một điều, vì Đức Chúa Giê-su luôn minh họa sự kết thúc của một điều bằng phần khởi đầu của điều ấy. Sự khai mở của ánh sáng đang tiến triển của thiên sứ thứ ba là ánh sáng về sự xuất hiện (khái tượng "mareh") trong Đa-ni-ên chương 8, câu 14. Sự kết thúc của ánh sáng đang tiến triển của thiên sứ thứ ba là ánh sáng về sự dày đặc đền thánh và đạo binh (khái tượng "chazon") trong câu 13. Hai khái tượng này đan xen với nhau một cách tiên tri.

Bảy giờ người hãy cho vang tiếng kèn của Năm Hồng Ân vào ngày mùng mười của tháng thứ bảy; trong Ngày Lễ Chuộc Tội, các người hãy làm cho tiếng kèn vang khắp cả xứ của các người. Lê-vi Ký 25:9.

Chiếc kèn sẽ được thổi vào Ngày Lễ Chuộc Tội, tức ngày 22 tháng 10 năm 1844, là kèn Năm Hân Hỉ, biểu trưng cho chu kỳ thánh bảy năm, cộng lại thành hai nghìn năm trăm hai mươi ngày. Chúa đã định dẫn Y-sơ-ra-ên xưa trực tiếp vào Đất Hứa, nhưng sự phản nghịch của họ đã ngăn điều đó xảy ra. Chúa cũng đã định dẫn Y-sơ-ra-ên hiện đại trực tiếp vào Đất Hứa, nhưng sự phản nghịch đã ngăn điều đó xảy ra. Nếu Y-sơ-ra-ên hiện đại đã vâng phục ánh sáng ngày càng gia tăng của sứ điệp thiên sứ thứ ba, họ đã cảnh báo thế giới và Chúa đã trở lại cách đây hơn một trăm năm.

Để điều đó xảy ra, Chúa cần thực hiện một sự biến đổi giữa những người theo Miller, và sự biến đổi ấy được Kinh Thánh gọi là sự màu nhiệm của Đức Chúa Trời. Nếu phong trào Phục Lâm đã đi theo ánh sáng tiến tới của thiên sứ thứ ba, thì kèn của Năm Hân Hỉ đã vang lên suốt cho đến tận cùng, vì chính trong những ngày tiếng kèn thứ bảy vang lên, sự màu nhiệm của Đức Chúa Trời được hoàn tất. Trong Khải Huyền đoạn mười, chiếc kèn ấy, vốn là kèn của Năm Hân Hỉ và cũng là kèn của tai họa thứ ba, đã bắt đầu vang lên vào ngày 22 tháng 10 năm 1844.

Và thiên sứ mà tôi thấy đứng trên biển và trên đất đã giơ tay lên trời, và thề bởi Đấng hằng sống đời đời, là Đấng đã dựng nên trời và mọi vật ở trong đó, đất và mọi vật ở trong đó, biển và mọi vật ở trong đó, rằng sẽ không còn thời gian nữa; nhưng trong những ngày tiếng của thiên sứ thứ bảy vang lên, khi người bắt đầu cất tiếng, thì sự mầu nhiệm của Đức Chúa Trời sẽ được hoàn tất, như Ngài đã phán cho các đầy tớ của Ngài là các tiên tri. Khải Huyền 10:5-7.

Tiến trình thanh tẩy mang tính thử thách khởi sự vào ngày 22 tháng 10 năm 1844, tức là ánh sáng tiến triển của thiên sứ thứ ba, đã bắt đầu bằng ánh sáng của Đa-ni-ên chương tám, câu mười bốn, và kết thúc bằng ánh sáng của Đa-ni-ên chương tám, câu mười ba. Nó bắt đầu với câu trả lời ở câu mười bốn và kết thúc với câu hỏi ở câu mười ba.

Mười chín năm đó được tiêu biểu bởi sự xuất hiện của sứ điệp cảnh báo của Ê-sai gửi cho A-cha, vua của Giu-đa theo nghĩa đen, trong một cuộc nội chiến giữa miền bắc và miền nam. Mười chín năm đó kết thúc khi vua phương bắc đưa Y-sơ-ra-ên vào cảnh nô lệ. Mười chín năm đó tiêu biểu cho sự xuất hiện của thiên sứ thứ ba vào năm 1844, kéo dài cho đến cuộc phản loạn năm 1863. Ánh sáng tấn tới của thiên sứ thứ ba được biểu trưng bởi sứ điệp của Ê-sai.

Việc khước từ ánh sáng đang tấn tới đó đã đặt dấu chấm hết cho phong trào Millerite, và trong thời kỳ thử thách ấy, Phong trào Millerite Philadelphia đã chuyển thành Hội thánh Laodicea. Mười chín năm khởi đầu vào năm 742 TCN, và mười chín năm khởi đầu vào năm 1844, đều tượng trưng cho một tiến trình thử thách và tinh luyện trong những ngày sau rốt, tức là thời kỳ thử thách cuối cùng của ánh sáng đang tấn tới của thiên sứ thứ ba.

Trong quá trình thử thách cuối cùng ấy, mầu nhiệm của Thiên Chúa sẽ được hoàn tất. Một trăm bốn mươi bốn nghìn người là những ai chờ đợi, trở về và được đóng ấn.

Hãy buộc lại lời chứng, đóng ấn luật pháp giữa các môn đồ của ta. Ta sẽ chờ đợi Đức Chúa, là Đấng ẩn mặt khỏi nhà Gia-cóp, và ta sẽ tìm kiếm Ngài. Kìa, ta và các con cái mà Đức Chúa đã ban cho ta là những dấu lạ và phép lạ tại Israel, từ Đức Chúa các đạo quân, Đấng ngự trên núi Si-ôn. Ê-sai 8:16-18.

Thời kỳ thử nghiệm kết thúc của ánh sáng đang tăng tiến của thiên sứ thứ ba trong những ngày sau rốt bắt đầu đúng nơi thời kỳ thử nghiệm mở đầu đã bắt đầu. Nó bắt đầu khi Chúa Giê-su giơ tay lên trời và tuyên bố "rằng sẽ không còn thời gian nữa." Tuyên bố đó đã diễn ra vào ngày 22 tháng 10 năm 1844, khi kèn thứ bảy công bố Năm Hân Hi vào lúc kết thúc chu kỳ thánh của bảy. Chu kỳ bảy năm, lặp lại bảy lần, là bốn mươi chín năm theo nghĩa đen, tức hai nghìn năm trăm hai mươi ngày.

Năm 1989 đánh dấu "thời kỳ cuối cùng" trong phong trào của một trăm bốn mươi bốn nghìn, và năm 1989 cũng đánh dấu sự kết thúc của 126 năm bắt đầu từ cuộc nổi dậy năm 1863. Phong trào của một trăm bốn mươi bốn nghìn bắt đầu vào "thời kỳ cuối cùng", với biểu tượng "bảy lần", vì 126 là một phần mười của 1260, mà đến lượt nó là một nửa của 2520.

Chúa Giê-su luôn diễn tả sự kết thúc của một điều bằng sự khởi đầu của một điều, và sự khởi đầu của phong trào của một trăm bốn mươi bốn nghìn đã được đánh dấu bằng một biểu tượng của "bảy lần", cũng như vào lúc kết thúc của phong trào. Những ngày thiên sứ thứ bảy thổi kèn, khi mầu

nhệm của Đức Chúa Trời được hoàn tất, đã bắt đầu vào lúc kết thúc của "ba ngày rưỡi" trong Khải Huyền chương mười một. Chiếc Kèn Thứ Bảy, cũng là tai họa thứ ba, đã vang tiếng thứ hai vào ngày 7 tháng 10 năm 2023, và mầu nhiệm của Đức Chúa Trời hiện đang hoàn tất, như "Ngài đã tuyên bố cho các đầy tớ Ngài là các tiên tri." Sự kết thúc của phong trào được đánh dấu bởi một biểu tượng của "bảy lần", cũng như khởi đầu của chính phong trào ấy.

Vào “thời kỳ cuối cùng” năm 1798, “bảy lần” — cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời chống lại vương quốc phương bắc — đã chấm dứt, và vào cuối phong trào của những người Millerite, sự khước từ các lễ thật gắn liền với “bảy lần” đã đánh dấu cuộc phản loạn năm 1863. Chúa Giê-su luôn minh họa sự kết thúc của một sự việc bằng sự khởi đầu của nó, và phong trào của thiên sứ thứ nhất (những người Millerite) minh họa cho phong trào của thiên sứ thứ ba (một trăm bốn mươi bốn nghìn). Cả hai phong trào đều khởi đầu và kết thúc với “bảy lần”. Bạn không thể bịa ra những điều này được.

Chúng tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu này trong bài viết tiếp theo.

Những người ở các vị trí chịu trách nhiệm không được quay sang theo các nguyên tắc phóng túng, xa hoa của thế gian, vì họ không thể tự cho phép mình làm vậy; và đầu có thể, các nguyên tắc theo Đấng Christ cũng không cho phép. Cần có sự dạy dỗ nhiều mặt. “Ngài sẽ dạy tri thức cho ai? Và Ngài sẽ làm cho ai hiểu giáo lý? Cho những kẻ đã thôi bú sữa, và đã rời vú mẹ. Vì điều răn phải chông điều răn, điều răn trên điều răn; dòng trên dòng, dòng trên dòng; chỗ này một chút, chỗ kia một chút.” Như vậy, lời của Chúa phải được kiên nhẫn đem ra trước mặt con trẻ và luôn giữ trước mắt chúng, bởi các bậc cha mẹ tin lời Đức Chúa Trời. “Vì với môi lấp bắp và một tiếng nói khác, Ngài sẽ phán với dân này. Ngài đã phán với họ rằng: Đây là sự yên nghỉ bởi đó các ngươi có thể khiến kẻ mệt mỏi được nghỉ; và đây là sự tươi mới; nhưng họ chẳng chịu nghe. Nhưng lời của Chúa đối với họ là điều răn trên điều răn, điều răn trên điều răn; dòng trên dòng, dòng trên dòng; chỗ này một chút, chỗ kia một chút; hầu cho họ đi, rồi té ngã, bị gãy đổ, mắc bẫy và bị bắt.” Tại sao? - vì họ đã không chịu nghe theo lời của Chúa đến với họ.

Điều này nói về những người chưa nhận được sự chỉ dạy, nhưng lại đề cao sự khôn ngoan riêng của mình và đã chọn tự mình hành động theo ý tưởng của chính họ. Chúa đặt những người ấy vào sự thử thách, để họ hoặc chọn lập trường là theo lời khuyên của Ngài, hoặc từ chối và làm theo ý riêng của mình; và rồi Chúa sẽ để họ tự gánh lấy kết cục chắc chắn. Trong mọi đường lối của chúng ta, trong mọi sự phục vụ Đức Chúa Trời, Ngài phán với chúng ta: “Hãy dâng lòng con cho Ta.” Điều Đức Chúa Trời muốn là một tinh thần biết thuận phục, để dạy. Điều làm cho sự cầu nguyện trở nên cao quý là vì nó phát xuất từ một tấm lòng yêu thương và vâng phục.

Đức Chúa Trời đòi hỏi những điều nhất định nơi dân sự của Ngài; nếu họ nói: "Tôi sẽ không dâng lòng mình để làm điều này," thì Chúa để họ tiếp tục trong sự phán đoán tương là khôn ngoan của họ, nhưng không có sự khôn ngoan từ trời, cho đến khi lời Kinh Thánh này [Ê-sai 28:13] được ứng nghiệm. Anh em chớ nói: "Tôi sẽ theo sự hướng dẫn của Chúa đến một mức nào đó phù hợp với sự phán đoán của tôi," rồi bám chặt lấy những ý riêng của mình, không chịu để được nắn đúc theo hình ảnh của Chúa. Hãy đặt câu hỏi: "Đây có phải là ý muốn của

Chúa không?" chứ không phải: "Đây có phải là ý kiến hay sự phán đoán của—?" Lời Chứng Cho Các Mục Sư, 419.